

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã VT, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 5, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp 1, xã TS, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn K, chị Lê Thị D chung sống và đăng ký kết hôn ngày 01/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TS, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại Tòa án, anh K và chị D đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng phai nhạt, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2015 cho đến nay. Anh K, chị D đều xác định mâu thuẫn trong hôn nhân là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; sự tự nguyện ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Anh K, chị D có 01 con chung tên là Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 07/10/2014. Anh chị đã thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu V cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Đảm bảo quyền, nghĩa vụ của anh K trong việc thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Chị D không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp anh K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Việc thỏa thuận nuôi con chung của anh K và chị D là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Huỳnh Văn K và chị Lê Thị D thuận tình ly hôn.

- **Về nuôi con chung:** Anh K, chị D có 01 con chung tên là Huỳnh Lê Tường V, sinh ngày 07/10/2014. Anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu V cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi.

Chị D không yêu cầu tính lãi suất trong trường hợp anh K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi, vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh K, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Anh K chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh K đã nộp theo Biên lai thu số 0001771 ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị D chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị D đã nộp theo Biên lai thu số 0001770 ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh K, chị D đã nộp đủ lệ phí.

2. Trường hợp quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ

sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã TS, huyện ĐQ,
tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

THẨM PHÁN

Đào Thị Kiều Vân